

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KONTUM  
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2021.

V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KONTUM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Duy Tiến và ông Phạm Văn Tiền.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố KonTum.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Kiều D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 229 N, tổ 3, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Bảo V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 229 N, tổ 3, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 01 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị Kiều D trình bày:

\*Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kiều D và anh Lê Bảo V trước khi kết hôn đã có thời gian tìm hiểu được 01 năm. Được sự đồng ý của hai bên gia đình, chị D và anh V tổ chức lễ hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 02 tháng 11 năm 2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường cho đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Vinh xúc phạm đến cha mẹ chị. Vợ chồng tuy sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm đến nhau. Chị D cũng nói với anh V vợ chồng không còn tình cảm thì thuận tình ly hôn, nhưng anh V theo đạo thiên chúa giáo, nên không đồng ý ký đơn ly hôn. Vào tháng 11/2020, chị D không còn chung sống với anh V nữa, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị Dương Thị Kiều D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Bảo V.

\*Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Dạ Thiên L, sinh ngày 12/10/2005. Khi ly hôn chị đồng ý để con chung cho anh Lê Bảo V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Dương Thị Kiều D cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Lê Dạ Thiên L đủ 18 tuổi.

\*Về tài sản chung: Chị Dương Thị Kiều D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Bảo V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Kiều D và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Dương Thị Kiều D được ly hôn với anh Lê Bảo V. Về con chung: Giao cháu Lê Dạ Thiên L, sinh ngày 12/10/2005 cho anh Lê Bảo V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Dương Thị Kiều D cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Về tài sản chung chị D không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Chị Dương Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị Kiều D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giải quyết ly hôn giữa chị với Lê Bảo V có nơi cư trú tại số nhà 229 N, tổ 3, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Anh Lê Bảo V đã được Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh V vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Bảo V.

[2]. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kiều D và anh Lê Bảo V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 02 tháng 11 năm 2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường cho đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh V xúc phạm đến cha mẹ chị. Vợ chồng tuy sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm đến nhau. Vào tháng 11/2020, chị D không còn chung sống với anh V nữa, vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm.

Tòa án đã tiến hành xác minh gia đình chị Dương Thị Kiều D và chính quyền địa phương. Đại diện gia đình chị D và chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị D và anh V đã xảy ra mâu thuẫn vào năm 2020 do hai bên bất đồng về quan điểm sống và về kinh tế. Mặc dù gia đình hai bên đã tác động để vợ chồng chị D, anh V quay trở về, nhưng tình cảm vợ chồng anh V và chị D không khắc phục được. Hiện tại chị D và anh V đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị D và anh V đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Kiều D.

- Về con chung: Vợ chồng chị D và anh V có 01 con chung là cháu Lê Dạ Thiên L, sinh ngày 12/10/2005. Khi ly hôn chị D đồng ý để con chung cho anh Lê Bảo V trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh V đang nuôi dưỡng con chung, cháu Lê Dạ Thiên L có nguyện vọng ở với anh V, nên cần giao cháu Lê Dạ Thiên L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Dương Thị Kiều D đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Lê Dạ Thiên L đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị D.

- Về tài sản chung: Chị Dương Thị Kiều D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

**[3].** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Kiều D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị Kiều D đề ngày 01 tháng 12 năm 2020.

1. *Về hôn nhân:* Chị Dương Thị Kiều D được ly hôn anh Lê Bảo V.

2. *Về con chung:* Giao cháu cháu Lê Dạ Thiên L, sinh ngày 12/10/2005 cho anh Lê Bảo V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Dạ Thiên L đủ 18 tuổi. Chị Dương Thị Kiều D cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Lê Dạ Thiên L đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị Dương Thị Kiều D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Dương Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị Dương Thị Kiều D phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Dương Thị Kiều D đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003887 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Kon Tum. Chị Dương Thị Kiều D còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 6 năm 2021) chị Dương Thị Kiều D có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP,
- Thi hành án dân sự TP;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND phường Nguyễn Trãi;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**